

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2024/HS-ST**

Ngày: 30 - 01 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kim Ngọc
2. Bà Lâm Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chí Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2023/TLST-HS ngày 07/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HS ngày 09/01/2024, đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Trường Thành C; sinh năm 1989, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Đăng ký thường trú: Số xxxA đường C, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Căn hộ xxx, Chung cư P, ấp 1, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nhân viên kho; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Trường H và bà Lê Thị Bích N; Có vợ nhưng đã ly hôn và có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/7/2022 đến nay (có mặt).

2/ Lê Thanh T; sinh năm 1989, tại tỉnh Đồng Nai; Đăng ký thường trú: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 5/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Tuyết N; Vợ, con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/7/2022 đến nay (có mặt).

- Bị hại: Công ty cổ phần sản xuất xây dựng H

Địa chỉ: Lô xx, đường số 8, Khu công nghiệp H, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Hoàng O

Địa chỉ: Lô xx, đường số 8, Khu công nghiệp H, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Văn bản uỷ quyền ngày 21 tháng 02 năm 2022)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Lê Trọng Đ, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số xx/xx đường V, Khu phố P, thị trấn L, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trường Thành C và Lê Thanh T:**

1/ Ông Đinh Ngọc A, sinh năm 1981 (có mặt)

2/ Bà Đoàn Thị Hồng L, sinh năm 1993 (có mặt)

3/ Ông Nguyễn Thanh , sinh năm 1977 (vắng mặt)

Người bào chữa cho bị cáo C và T đều là Luật sư Công ty Luật TNHH T và C
- thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trường Thành C là nhân viên của Công ty cổ phần sản xuất xây dựng H (sau đây gọi tắt là Công ty H), theo Hợp đồng lao động số 1203014/HLP-HĐLĐ ngày 01/04/2012, Hợp đồng lao động thể hiện C là nhân viên kho, theo bảng mô tả công việc của Công ty H và công việc làm hàng ngày thì Nguyễn Trường Thành C có nhiệm vụ quản lý kho hàng, chịu trách nhiệm theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn của sản phẩm Sika (chất phụ gia) các loại và thép các loại, đảm bảo hàng hoá đầy đủ đáp ứng nhu cầu sản xuất.

Ông Lê Văn Tuấn T (Trưởng Phòng Kế hoạch – vật tư Công ty H) xác nhận, Nguyễn Trường Thành C là nhân viên thuộc Phòng kế hoạch – vật tư và được ông Lê Văn Tuấn T phân công nhiệm vụ là thủ kho vật tư của Công ty H.

Trong quá trình quản lý kho, do cần tiền tiêu xài cá nhân, nên C đã lợi dụng sự sơ hở, không kiểm tra, giám sát của Công ty H về quy trình lập phiếu xuất, nhập kho, Nguyễn Trường Thành C đã sửa số liệu trên phiếu xuất kho để chiếm đoạt sản phẩm Sika, với thủ đoạn: Mỗi khi nhân viên sản xuất cần xuất vật tư thì viết phiếu xuất kho (phiếu in sẵn chỉ cần viết tay số liệu cần thiết lên phiếu, các liên giống nhau) giao hàng và ký phiếu ban đầu chỉ có C và nhân viên nhận vật tư cùng ký. Sau đó, phiếu xuất kho viết tay trên C giữ lại tất cả các liên. Nguyễn Trường Thành C tự chỉnh sửa nét chữ của chính C, để làm tăng số lượng vật tư xuất kho cao hơn thực xuất để chiếm đoạt. Quá trình C sửa số liệu vật tư trên phiếu xuất kho không có ai biết. Sau đó, các phiếu xuất kho được Nguyễn Trường Thành C tập hợp đưa lên bộ phận kế toán để làm chứng từ xuất kho. Do phiếu xuất kho đã bị sửa chữa nên kế toán khi kiểm tra sẽ không phát hiện được số sản phẩm Sika C đã sửa chữa, nâng khống lên để chiếm đoạt của Công ty (có những phiếu xuất kho thì C sửa phiếu trước lấy hàng sau, có những phiếu xuất kho thì C lấy hàng trước sửa phiếu sau. Đối với số sản phẩm Sika mà C cùng T chiếm đoạt của Công ty H vào ngày 19/02/2022, thì C chưa chỉnh sửa phiếu xuất kho. Cụ thể:

1/- Phiếu xuất kho ngày 25/12/2021: C sửa mục Sika 107 từ 100 thành 150, người nhận tên Dũng.

2/- Phiếu xuất kho ngày 23/12/2021: C sửa mực Sika 107 từ 10 thành 100, người nhận tên Dũng.

3/- Phiếu xuất kho ngày 17/12/2021: C sửa mực Sika 107 từ 10 thành 100, người nhận tên Ven.

4/- Phiếu xuất kho ngày 08/12/2021: C sửa mực Sika 107 từ 50 thành 150, người nhận tên Ven.

5/- Phiếu xuất kho ngày 23/12/2021: C sửa mực Sika 107 từ 100 thành 150, người nhận tên Thuận.

6/- Phiếu xuất kho ngày 22/12/2021: C sửa mực Sika 107 từ 100 thành 145, người nhận tên Thuận.

7/- Phiếu xuất kho ngày 21/12/2021: C sửa mực Sika 107 từ 100 thành 200, người nhận tên Ven.

8/- Phiếu xuất kho ngày 15/12/2021: C sửa mực Sika 107 từ 100 thành 200, người nhận tên Thuận.

9/- Phiếu xuất kho ngày 13/11/2021: C sửa mực Sika 107 từ 10 thành 50, người nhận tên Lộc.

10/- Phiếu xuất kho ngày 30/11/2021: C sửa mực Sika 107 từ 50 thành 150, người nhận tên Thuận.

11/- Phiếu xuất kho ngày 07/11/2021: C sửa mực Sika 107 từ 100 thành 125, người nhận tên Ven.

12/- Phiếu xuất kho ngày 13/10/2021: C sửa mực Sika 107 từ 300 thành 3000, người nhận tên Thuận.

13/- Phiếu xuất kho ngày 04/10/2021: C sửa mực Sika 107 từ 40 thành 400; Sửa mực Sika 731 từ 15 thành 25, người nhận tên Thuận.

14/- Phiếu xuất kho ngày 24/9/2021: C sửa mực Sika 107 từ 60 thành 600, người nhận tên Thuận.

15/- Phiếu xuất kho ngày 03/4/2021: C sửa mực Sika 731 từ 02 thành 62, người nhận tên Lộc.

16/- Phiếu xuất kho ngày 06/4/2021: C sửa mực Sika 107 từ 125 thành 1250, người nhận tên Lộc.

Sau khi chiếm đoạt được sản phẩm Sika, C liên hệ và thỏa thuận bán cho Lê Thanh T (do T là lái xe đã từng giao hàng cho Công ty H nên C và T quen biết nhau). Tuy biết đây là tài sản C chiếm đoạt của Công ty H nhưng T vẫn đồng ý mua với giá cụ thể như sau: Sika 731 dạng bột loại 01kg/hộp với số tiền 60.000đ (sáu mươi nghìn đồng); Sika Top Seal 107 (AB) - 25kg/bộ (gồm Sika Top dạng bột loại 20kg/bao và Sika Top dạng lỏng loại 05 lít/can) với số tiền 340.000đ (ba trăm bốn mươi nghìn đồng)/bộ và Sika Top dạng chất lỏng loại 05 lít/can với số tiền 80.000đ (tám mươi nghìn đồng). Sau khi bán được số sản phẩm Sika nhận của C, T chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng trả cho C.

Khoảng 11 giờ 30 ngày 19/02/2022, T điều khiển xe ô tô tải biển số 61L – 1077, (T thuê của một người tên Hiếu có số điện thoại: 0352953149, ở gần nhà T tại xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với giá 500.000đ/01 chuyến), khi đến cổng số 02 của Công ty H, T điện thoại cho C, do cổng số 02 đang sửa chữa nên C hướng dẫn T điều khiển xe tải qua cổng số 01 để vào Công ty. C đi đến cổng số 01 nói với ông Phạm Văn Hiền (Bảo vệ cổng số 01) là cho xe 61L – 1077 vào để sửa chữa máy bơm, ông Hiền đồng ý. C hướng dẫn cho T lái xe vào kho, tại đây các sản phẩm Sika đã được C sắp xếp sẵn, để riêng. Sau đó C và T cùng nhau bốc chuyển các sản phẩm Sika lên xe tải gồm: 30 (ba mươi) hộp Sika 731 dạng bột loại 01kg/1 hộp; 24 (hai mươi bốn) bao Sika Top dạng bột loại 20kg/1 bao; 33 (ba mươi ba) can Sika Top dạng chất lỏng loại 05 lít/1 can.

Sau khi đã chuyển hàng lên xe tải xong, khi đi ra cổng T bị bảo vệ phát hiện trên xe tải biển số 61L - 1077 có chứa các sản phẩm Sika nên yêu cầu T xuất trình phiếu xuất kho, T không xuất trình được phiếu và nói là mình vận chuyển số hàng hóa ra ngoài theo hướng dẫn của C. Ngay sau đó tổ giám sát của Công ty H cùng bảo vệ đã báo cáo sự việc cho Ban giám đốc Công ty. Công ty H trình báo đến cơ quan Công an, Công an xã Hiệp Phước lập hồ sơ và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè thụ lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, C và T còn khai nhận, ngoài việc thực hiện hành vi chiếm đoạt sản phẩm Sika của Công ty H vào ngày 19/02/2022, thì C và T với cùng phương thức, thủ đoạn như trên, còn cùng nhau thực hiện thêm nhiều lần chiếm đoạt sản phẩm Sika của Công ty H để T đem bán và chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho C tổng cộng 08 lần, cụ thể:

Lần 1 vào ngày 17/04/2021, với số tiền bán được là: 7.909.900đ.

Lần 2 vào ngày 08/5/2021, với số tiền bán được là: 9.329.900đ.

Lần 3 vào ngày 26/6/2021, với số tiền bán được là: 11.289.900đ.

Lần 4 vào ngày 10/7/2021, với số tiền bán được là: 10.589.000đ.

Lần 5 vào ngày 30/10/2021, với số tiền bán được là: 9.288.800đ.

Lần 6 vào ngày 27/11/2021, với số tiền bán được là: 10.008.800đ.

Lần 7 vào ngày 18/12/2021, với số tiền bán được là: 8.948.400đ.

Lần 8 vào ngày 15/01/2022, với số tiền bán được là: 8.560.000đ.

(Đây là tổng số tiền T chuyển khoản cho C, sau những lần bán sản phẩm Sika chiếm đoạt từ Công ty H, có sao kê ngân hàng kèm theo).

Tất cả số sản phẩm Sika Nguyễn Trường Thành C cùng Lê Thanh T chiếm đoạt của Công ty H đều được T đem bán cho Lê Trọng Đ, là người đại diện pháp luật Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đại Hòa Phát, địa chỉ số 9 đường 30/4 phường Thắng Nhì, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. T chuyển hàng giao tại nhà của Đại tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, sau đó Đại mới chuyển tiền (cách khoảng 1-2 ngày sau) thông qua tài khoản ngân hàng của T mở tại Ngân hàng

TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Nhơn Trạch (có sao kê ngân hàng kèm theo). Khi mua hàng thì Đại chỉ biết (theo T nói) đây là hàng hóa T thu mua từ các công trình, không có hóa đơn chứng từ, Đại không biết số hàng này có nguồn gốc do T phạm tội mà có, nhưng Đại vẫn đồng ý mua với lý do có lợi nhuận và không kê khai số liệu vào sổ sách kế toán của Công ty. Hiện số sản phẩm Sika mua từ T đã được Đại bán hết.

Căn cứ bản kết luận giám định số 7176/KL-KTHS ngày 23/12/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP. Hồ Chí Minh (PC09), đối với chữ viết (chữ số) tại 16 (muời sáu) phiếu xuất kho viết tay trên, kết quả:

1. Chữ số “150” tại mục “Số lượng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (đã nêu ở mục II.1) đã bị sửa chữa. Nội dung trước khi bị sửa chữa xác định được là “100”.

2. Chữ số “150” tại mục “Số lượng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A5 (đã nêu ở mục II.1) đã bị tẩy xóa, sửa chữa. Nội dung trước khi bị sửa chữa xác định được là “100”.

3. Chữ số “145” tại mục “Số lượng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A6 (đã nêu ở mục II.1) đã bị tẩy xóa, sửa chữa. Không xác định được nội dung trước khi bị tẩy xóa.

4. Chữ số “200” tại mục “Số lượng” trên 02 (hai) tài liệu cần giám định ký hiệu A7, A8 (đã nêu ở mục II.1) đã bị tẩy xóa, sửa chữa. Không xác định được nội dung trước khi bị tẩy xóa.

5. Chữ số “50” tại mục “Số lượng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A9 (đã nêu ở mục II.1) đã bị tẩy xóa, sửa chữa. Nội dung trước khi bị sửa chữa xác định được là “100”.

6. Chữ số “62” tại mục “Số lượng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A15 (đã nêu ở mục II.1) đã bị sửa chữa. Nội dung trước khi bị sửa chữa xác định được là “02”.

7. Không đủ cơ sở kết luận các chữ số tại mục “Số lượng” trên các tài liệu cần giám định (đã nêu ở mục II.1) có bị sửa chữa, điều thêm hay không (*với lý do không thể hiện đặc điểm đặc trưng của việc sửa chữa, điều thêm nên không đủ cơ sở kết luận*), bao gồm:

- + Chữ số “100” trên 02 (hai) tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3;
- + Chữ số “150” trên 02 (hai) tài liệu cần giám định ký hiệu A4, A10;
- + Chữ số “125” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A11;
- + Chữ số “3000” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A12;
- + Chữ số “400” và “25” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A13;
- + Chữ số “600” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A14;
- + Chữ số “1250” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A16;

8. Chữ số tại mục “Số lượng” trên các tài liệu cần giám định (đã nêu ở mục II.1) bao gồm:

- + Chữ số “150” trên 04 (bốn) tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A4, A5, A10;
- + Chữ số “100” trên 02 (hai) tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3;

- + Chữ số “145” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A6;
- + Chữ số “50” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A9;
- + Chữ số “3000” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A12;
- + Chữ số “400” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A13;
- + Chữ số “600” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A14;
- + Chữ số “1250” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A16;

so với chữ viết (chữ số) của Nguyễn Trường Thành C trên 24 (hai mươi bốn) tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M24 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người viết ra.

9. Không đủ cơ sở kết luận chữ số tại mục “Số lượng” trên các tài liệu cần giám định (đã nêu ở mục II.1) bao gồm:

- + Chữ số “200” trên 02 (hai) tài liệu cần giám định ký hiệu A7, A8;
- + Chữ số “125” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A11;
- + Chữ số “25” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A13;
- + Chữ số “62” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A15;

so với chữ viết (chữ số) của Nguyễn Trường Thành C trên 24 (hai mươi bốn) tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M24 (đã nêu ở mục II.2) có phải do cùng một người viết ra hay không (với lý do có một số đặc điểm giống, một số đặc điểm khác nhưng không giải thích được nên không đủ cơ sở kết luận).

Quá trình điều tra Nguyễn Trường Thành C đã khai nhận và tự xác định được những phiếu xuất kho (mười sáu phiếu) mà tự tay C đã tẩy xóa, sửa chữa số liệu.

C và T đã chiếm đoạt được sản phẩm Sika trong 08 lần thực hiện trước đó là: 5515 (năm ngàn năm trăm mười lăm) kilogram Vữa chống thấm SikaTop Seal 107 (chưa qua sử dụng) và 70 (bảy mươi) kilogram Chất kết dính Sika 731 (chưa qua sử dụng) có tổng trị giá là 164.414.261đ. (C đã thu lợi bất chính số tiền 75.860.000đ và T thu lợi bất chính số tiền 61.900.000đ).

Cùng với số sản phẩm Sika bị chiếm đoạt phát hiện ngày 19/02/2022, 30 (ba mươi) hộp Sika 731 dạng bột loại 01kg/1 hộp. 24 (hai mươi bốn) bao Sika Top dạng bột loại 20kg/1 bao. 33 (ba mươi ba) can Sika Top dạng chất lỏng loại 05 lít/1 can (tất cả đều chưa qua sử dụng) có tổng trị giá là 25.132.000đ.

Căn cứ kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Nhà Bè: Tổng giá trị tài sản Công ty H bị chiếm đoạt là: 189.546.261 đồng.

Ngày 03/10/2022 bà Lê Thị Ngọc Bích mẹ ruột của Nguyễn Trường Thành C đã khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho Công ty H số tiền 164.414.261đ (C và T tự thỏa thuận khắc phục mỗi người 50% về thiệt hại đã gây ra).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè, Nguyễn Trường Thành C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, phù hợp với lời khai người bị hại, người liên quan và vật chứng thu giữ.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKS-NB ngày 20/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, truy tố bị cáo Nguyễn Trường

Thành C và Lê Thanh T về tội “*Tham ô tài sản*” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố. Đại diện Viện kiểm sát đính chính 02 lỗi sai chính tả do đánh máy:

1/ Tại dòng 7 dưới lên, trang 3 của Bản cáo trạng ghi: Lần 1 vào ngày 17/04/2001, với số tiền bán được là: 7.909.900đ.

Đính chính: Lần 1 vào ngày 17/04/2021, với số tiền bán được là: 7.909.900đ.

2/ Tại dòng 01 dưới lên, trang 3 của Bản cáo trạng ghi: Lần 7 vào ngày 18/12/2021, với số tiền bán được là: 10.955.400đ.

Đính chính: Lần 7 vào ngày 18/12/2021, với số tiền bán được là: 8.948.400đ.

Luận tội: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trường Thành C từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Xử phạt Lê Thanh T từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Về dân sự: Gia đình các bị cáo đã bồi thường cho bị hại. Bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên đề nghị không xét. Đối với số tiền gia đình C đã bồi thường cho bị hại, bị cáo C và T thoả thuận chịu mỗi người 50%. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động của Nguyễn Trường Thành C và Lê Thanh T.

Các bị cáo không tranh luận.

Luật sư Đoàn Thị Hồng Linh trình bày lời bào chữa cho các bị cáo:

Hành vi bị cáo Nguyễn Trường Thành C và Lê Thanh T thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng viết. Tuy nhiên, với hành vi đó thì bị cáo C và T không phạm tội tham ô tài sản mà cấu thành tội trộm cắp tài sản, bởi vì bị cáo C không có chức vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 353 của Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 03/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Theo hợp đồng lao động thì bị cáo C không giữ chức vụ mà chỉ là nhân viên kho. Việc quản lý kho chỉ được ghi trong Bảng mô tả công việc của Công ty H. Việc bị cáo C không phạm tội tham ô còn thể hiện việc bị cáo phải nói dối bảo vệ công là cho xe vào sửa máy bơm khi bị cáo T đi xe qua cổng, như vậy, bị cáo đưa tài sản ra khỏi công ty một cách lén lút nên thoả mãn dấu hiệu của tội trộm cắp tài sản hơn là tội tham ô tài sản. Do hành vi của bị cáo C không phạm tội tham ô tài sản nên bị cáo T cũng không phạm tội tham ô tài sản.

Luật sư Đinh Ngọc Anh trình bày lời bào chữa cho các;

Thông nhất với phần bào chữa của luật sư Đoàn Thị Hồng Linh. Do hành vi của các bị cáo cấu thành tội trộm cắp tài sản thuộc khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 298 của Bộ luật Hình sự để thay đổi tội danh đối với các bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Thông nhất với đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo như các bị cáo đều khai báo thành khẩn, tỏ rõ ăn năn hối

cải. Các bị cáo đã bồi thường thiệt hại toàn bộ cho bị hại. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo C là lao động chính trong gia đình (đã ly hôn vợ), có con nhỏ, bố mẹ già yếu, bệnh tật. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt.

Các bị cáo thống nhất với phần bào chữa của luật sư, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận:

1/ Về nội dung bị cáo C không có chức vụ, quyền hạn được ghi trong hợp đồng lao động. Đối với nội dung này, chính luật sư cũng thừa nhận nhiệm vụ, quyền hạn của bị cáo C được ghi trong Bảng mô tả công việc, hơn nữa ngoài bảng mô tả công việc thì chính bản thân bị cáo cũng thừa nhận công việc thực tế của bị cáo tại Công ty H là quản lý kho, quản lý vật tư trong kho, xuất, nhập kho vật tư. Như vậy, có đủ tài liệu, chứng cứ khẳng định bị cáo C có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ kho và bị cáo đã chiếm đoạt tài sản trong kho do bị cáo quản lý.

2/ Về nội dung bị cáo C lén lút đưa tài sản ra khỏi công ty. Không thể cho rằng bị cáo C lén lút, bí mật lấy tài sản nên phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bởi vì bị cáo C không thể lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản trong kho do chính mình quản lý. Khi bị cáo chiếm đoạt tài sản đưa lên xe ô tô hoàn toàn công khai, giữa ban ngày, tại thời điểm bốc hàng lên xe có một số công nhân nhìn thấy nhưng không ai nghi ngờ gì. Do đó bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè truy tố các bị cáo về tội “Tham ô tài sản” là có căn cứ.

Luật sư giữ nguyên quan điểm đã bào chữa, không tranh luận thêm.

Ý kiến của đại diện của bị hại: Sau khi bị phát hiện, bị cáo C, T khai báo thành khẩn, phối hợp rất tốt với Cơ quan cảnh sát điều tra và Công ty H trong vụ án. Chỉ từ khi có luật sư tham gia thì các bị cáo mới bắt đầu thay đổi lời khai làm cho vụ án rối ren. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã nhận thức được và khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo C là nhân viên lâu năm của Công ty H. Quá trình làm việc tại Công ty, C là người hiền lành, thật thà, chất phác, chăm chỉ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chỉ vì một chút khó khăn trong cuộc sống, suy nghĩ thiếu chín chắn mà đã phạm tội. Bị cáo T trước đây cũng đã từng làm việc với Công ty H một thời gian, quá trình làm việc không có biểu hiện gì sai trái nên Đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo C và bị cáo T đều trình bày, rất ân hận vì đã gây ra vụ việc, xin được gửi lời xin lỗi đến bị hại, gia đình và các cơ quan tiến hành tố tụng. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo T trình bày thêm. Theo bị cáo hiểu, bị cáo không có chức vụ, quyền hạn gì trong Công ty H nên bị cáo không phạm tội tham ô tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nhà Bè, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố Tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai đầy đủ, vì vậy việc vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Người bào chữa ông Nguyễn Thanh Thanh có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Xét thấy các bị cáo Nguyễn Trường Thành C và Lê Thanh T có mời 03 người bào chữa và cả 03 người bào chữa đều thuộc Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn Thanh và Cộng sự, tại phiên tòa 02 người bào chữa có mặt tham gia bào chữa, vì vậy việc vắng người bào chữa ông Nguyễn Thanh Thanh không ảnh hưởng đến quyền lợi của các bị cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Nguyễn Trường Thành C và Lê Thanh T đã bàn bạc với nhau, Nguyễn Trường Thành C sẽ lấy tài sản của Công ty H bán cho Lê Thanh T. Lê Thanh T sẽ trực tiếp mang xe ô tô đến Công ty H bốc hàng lên xe mang đi bán cho người khác. Trong khoảng thời gian từ ngày 06/4/2021 đến ngày 19/02/2022, Nguyễn Trường Thành C đã lợi dụng việc được phân công nhiệm vụ quản lý kho vật tư của Công ty H, dùng thủ đoạn chỉnh sửa số liệu vật tư xuất kho tăng lên để hợp thức hoá việc chiếm đoạt tài sản. C và T đã thực hiện 08 lần chiếm đoạt tài sản, bao gồm: 5515kg vữa chống thấm Sika Top Seal 107 và 70kg chất kết dính Sika 731, có tổng trị giá là 164.414.261 đồng. Ngoài ra, ngày 19/02/2022, Nguyễn Trường Thành C và Lê Thanh T chiếm đoạt 30 hộp Sika 731, 24 bao Sika Top dạng bột loại 20kg/bao, 33 can Sika Top dạng chất lỏng loại 5lít/can, khi Lê Thanh T chở tài sản ra đến cổng Công ty H thì bị bảo vệ cổng phát hiện, báo cho lãnh đạo Công ty. Tổng trị giá tài sản ngày 19/02/2022 là 25.132.000đ. Tổng trị giá tài sản Nguyễn Trường Thành C và Lê Thanh T chiếm đoạt là: 189.546.261đ (Một trăm tám mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm sáu mươi một đồng). Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Tham ô tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

[5] Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật phòng chống tham nhũng và khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự thì: “Người có chức vụ, quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ”.

Bị cáo Nguyễn Trường Thành C làm việc tại Công ty H theo hợp đồng lao động, tại Hợp đồng lao động ghi nhân viên kho nhưng tại Bảng mô tả công việc ghi chức danh công việc là: nhân viên thủ kho, nhiệm vụ: Quản lý vật tư, thiết bị, hàng hoá trong kho và thực tế công việc của C tại Công ty H đúng như bảng mô tả công việc mà C ký với Công ty H .

Về hành vi khách quan và thủ đoạn thực hiện: Nguyễn Trường Thành C sửa phiếu xuất kho nhằm chiếm đoạt tài sản do mình quản lý. 08 lần bị cáo sửa phiếu xuất kho và nói bị cáo T mang xe ô tô vào Công ty H , bốc hàng lên xe, chở tài sản ra ngoài công khai và đã chiếm đoạt trót lọt. Lần thứ 09 khi đưa tài sản ra khỏi công ty do không có phiếu xuất kho nên đã bị phát hiện. Cả 09 lần bị cáo chiếm đoạt tài sản đều là tài sản thuộc quyền quản lý của bị cáo.

Lê Thanh T mặc dầu không có chức vụ quyền hạn trong Công ty H nhưng khi C nói với T về việc lấy tài sản trong Công ty H mang ra ngoài bán thì T đã đồng ý. T đã trực tiếp thuê xe ô tô vào Công ty chở tài sản chiếm đoạt ra ngoài bán. Vì vậy, Lê Thanh T đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực cho Nguyễn Trường Thành C.

[6] Xét tính chất vụ án: Tội phạm thuộc loại rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm những quan hệ xã hội liên quan đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp; làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hành vi tham ô tài sản đã tác động đến tài sản mà bị cáo có trách nhiệm quản lý trong doanh nghiệp. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử là cần thiết và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8.1] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[8.2] Tình tiết giảm nhẹ: Theo hướng dẫn tại mục 2, điểm c, d mục 3 Điều 5 Nghị quyết 03/2020/HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao:

Mục 2: “Trong quá trình tố tụng, người phạm tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và đã hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn thì không áp dụng mức cao nhất của khung hình phạt mà người phạm tội bị truy tố, xét xử”.

Mục 3: “Xem xét áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt miễn hình phạt theo quy định tại Điều 59 của Bộ luật Hình sự đối với trường hợp người phạm tội có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình

sự hoặc người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể nếu thuộc một trong các trường hợp sau: ...

c) Người phạm tội đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, góp phần hạn chế thiệt hại, chủ động nộp lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt, đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra;

d) Người phạm tội sau khi bị phát hiện đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động nộp lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt, đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra”...

Nguyễn Trường Thành C và Lê Thanh T bị phát hiện thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty H ngày 19/02/2022. Sau khi bị phát hiện, Nguyễn Trường Thành C và Lê Thanh T đã tự xác định 16 phiếu xuất kho mà tự tay C tẩy, xóa, sửa chữa số liệu và tự giác khai ra 08 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trước đó và thủ đoạn của những lần chiếm đoạt là sửa phiếu xuất kho vật tư, điều đó thể hiện các bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền trong việc làm sáng tỏ vụ án kịp thời, nhanh chóng.

Các bị cáo vì có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; các bị cáo đã chủ động bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra;

Bản thân các bị cáo có nhân thân tốt, từ trước đến nay chưa vi phạm pháp luật, không có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa, đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt được định giá gần hai trăm triệu đồng nhưng thực tế số tiền các bị cáo thu lợi bất chính chỉ hơn năm mươi triệu đồng.

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nên cần xem xét xử phạt các bị cáo đầu khung hình phạt cũng đủ giáo dục và phòng ngừa, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Việt Nam.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo các bị cáo thu lợi không lớn, các bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Đối với ông Lê Trọng Đ là người mua tài sản do C và T phạm tội mà có nhưng khi mua bán, ông Đại không biết tài sản đó là do phạm tội mà có nên ông Đại không phạm tội.

[11] Đối với ông Lương Trung Hiếu là người cho Lê Thanh T thuê xe ô tô nhưng không biết T sử dụng làm phương tiện vận chuyển tài sản do phạm tội mà có nên ông Hiếu không phạm tội.

[12] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ 02 điện thoại của bị cáo C và T. Các bị cáo sử dụng điện thoại liên lạc bàn bạc về việc chiếm đoạt tài sản và chuyển tiền do phạm tội mà có, là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu nộp vào

ngân sách nhà nước. 01 USB chứa dữ liệu ghi hình thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 19/02/2022, tại Công ty H cần được lưu vào hồ sơ vụ án.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được, gia đình bị cáo C đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với số tiền gia đình bị cáo C bồi thường cho bị hại 164.414.261 đồng. Bị cáo C và T thỏa thuận mỗi người chịu $\frac{1}{2}$. Do gia đình bị cáo C đã bồi thường cho bị hại nên bị cáo T đồng ý trả cho bị cáo C 82.207.131 đồng.

[14] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, t, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Trường Thành C 07 (bảy) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2022.

[2] Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, t, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lê Thanh T 07 (bảy) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2022.

[3] Về xử lý vật chứng và Biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố Tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

[3.1] Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, số imei: 353287212198580, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, Imei 1: 861428056358832, Imei 2: 861428056358824, đều đã qua sử dụng.

[3.2] Lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB chứa dữ liệu ghi hình thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 19/02/2022, tại Công ty H (đã được niêm phong). (Đề nghị Chi cục Thi hành án nhân dân huyện Nhà Bè chuyển vật chứng này đến Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè để lưu hồ sơ vụ án)

(Vật chứng theo phiếu nhập kho số 2023-NK002 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh)

[4] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Trường Thành C và Lê Thanh T. Bị cáo T có nghĩa vụ trả lại cho bị cáo C 82.207.131 đồng.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Trường Thành C, Lê Thanh T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Công an huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Thi hành án HS huyện Nhà Bè;
- Sở Tư pháp TP HCM;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy